|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Lai Châu*, *ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ**

**thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

**giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét thông qua Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, với các nội dung như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 về Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đồng thời đã bãi bỏ hiệu lực thi hành của các Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022. Theo đó, một số nội dung, mức hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND nay không còn nhiệm vụ và cơ sở pháp lý để ban hành; đồng thời Thông tư yêu cầu một số nội dung, định mức hỗ trợ giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể. Cụ thể như sau:

*1. Các nội dung, mức hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND, nay không còn nhiệm vụ và cơ sở pháp lý để ban hành quy định cụ thể; Thông tư số 55/TT-BTC đã có quy định cụ thể, không yêu cầu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành, gồm:*

*a) Các nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:*

- Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: không yêu cầu cấp tỉnh quy định

- Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện *(Điều 82 Thông tư số 55/2023/TT-BTC);*

- Hỗ trợ mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn bản *(Điều 83 Thông tư số 55/2023/TT-BTC);*

- Hỗ trợ đối với dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã, huyện, tỉnh *(Điều 85 Thông tư số 55/2023/TT-BTC);*

- Hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn (khoản 2 Điều 88 *Thông tư số 55/2023/TT-BTC)*;

- Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao ở cơ sở *(Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC).*

*b) Các nội dung thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:*

- Hỗ trợ thiết lập cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới (*khoản 2 Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC)*;

- Hỗ trợ duy trì, vận hành điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn *(khoản 3 Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC);*

- Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động đài truyền thanh tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn *(khoản 4 Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC)*.

*2. Các nội dung, định mức hỗ trợ giao Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể:*

*a) Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:*

- Hỗ trợ tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân; Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện tỉnh ( *khoản 2 Điều 84 Thông tư số 55/2023/TT-BTC)*;

- Hỗ trợ cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại *( Điều 86 Thông tư số 55/2023/TT-BTC)*;

- Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP *(điểm đ khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC);*

- Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền *(điểm a khoản 2 Điều 94 Thông tư số 55/2023/TT-BTC);*

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam *(điểm a khoản 1 Điều 116 Thông tư số 55/2023/TT-BTC).*

*b) Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:*

Mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước *(khoản 1 Điều 74 Thông tư số 55/2023/TT-BTC).* Tuy nhiên, do điều kiện nguồn vốn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, nên nội dung này UBND tỉnh không trình HĐND tỉnh quy định cụ thể.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình MTQG thay thế Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của HĐND tỉnh là cần thiết và phù hợp với yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thẩm quyền, phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Do các nội dung, định mức hỗ trợ cần quy định chỉ có ở Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 nên Nghị quyết được đặt tên là: **Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích:** Nhằm cụ thể hóa một số nội dung, định mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thẩm quyền.

**2. Yêu cầu:** Các nội dung quy định phải đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, khách quan phù hợp với quy định của pháp luật và tình tình thực tiễn của tỉnh và khả năng huy động nguồn lực. Không quy định các nội dung khác khi cơ quan thẩm quyền cấp trên không giao.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Triển khai thực hiện Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội dồng nhân dân tỉnh (Công văn số 3785/UBND-KTN ngày 03/10/2023). Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể tỉnh; UBND các huyện thành phố (Công văn số ......./SNN-VPĐP ngày ..../...../2023). Sau khi tổng hợp tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số ......./SNN-VPĐP ngày ..../...../2023 và đã có Báo cáo thẩm định số ........BC-STP ngày ..../...../2023 của Sở Tư pháp; hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh.

UBND tỉnh đã tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Uỷ ban nhân dân và chỉnh sửa hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức quy định trực tiếp gồm 06 Điều theo Quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**V. CÁC NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này Quy định một số nội dung, định mức hỗ trợ một số nội dung chi thuộc kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Các mức chi tại Quy định này là mức hỗ trợ. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện phải triển khai đầy đủ các nội dung, hoạt động theo quy định, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Các mức hỗ trợ tại Quy định này được thực hiện thống nhất, phù hợp với đối tượng, nội dung, điều kiện, cơ chế thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và tình hình thực tế từng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời phù hợp với khả năng bố trí vốn ngân sách của trung ương và địa phương giai đoạn 2021-2025 và không được vượt quá kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ.

3. Việc lựa chọn danh mục, nội dung hỗ trợ phải được thực hiện từ cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**Điều 3. Một số nội dung, mức hỗ thực hiện Chương trình**

1. Hỗ trợ tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh:

a) Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức, tối đa 50 triệu đồng/ mã vùng trồng.

b) Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh: Áp dung theo quy định tại điểm d khoản 4 điều 1 nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh về việc Quy định chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

*Lý do đề xuất:* *đề nghị kế thừa nội dung của Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 về Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.*

2. Hỗ trợ cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Hỗ trợ một (01) lần bằng 50% kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho 01 tổ chức, cá nhân.

*Lý do đề xuất:* *đề nghị kế thừa nội dung của Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 về Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.*

3. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

Chi hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Mức hỗ trợ tối đa bằng mức hỗ trợ quy định tại điểm đ mục 5.11 khoản 5 điều 1 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025

*Lý do đề xuất: áp dụng thống nhất một chính sách trên địa bàn tỉnh.*

4. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn.

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/điểm du lịch.

- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái: Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí xây dựng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ *(điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản, nông sản, ăn uống, giải khát, vệ sinh)* dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ *(nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải)* tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách *(theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi);* đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.

- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ tối đa 70% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế: Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/nội dung. Hỗ trợ phát triển nghệ nhân: Áp dụng theo khoản 3, Điều 32 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Hỗ trợ 100% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 50 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

c) Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*Lý do đề xuất:* *đề nghị kế thừa nội dung của Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 về Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.*

5. Hỗ trợ tổ chức hoạt động xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội nông dân Việt Nam

Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện. Hội Nông dân các cấp xây dựng mô hình trình UBND cùng cấp phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

*Lý do đề xuất:* *đề nghị kế thừa nội dung của Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 về Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.*

**Điều 4.** **Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nội dung, mức hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

*Đối với các nội dung, mức hỗ trợ quy định tại* *Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 đã được áp dung khi được cấp thẩm quyền phê duyệt thời điểm sau ngày 15/8/2023 đến nay đều không trái với các quy định của Thông tư số 55/2023/TT-BTC.*

*Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu:*

- Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Các Sở: NN&PTNT; TC; VHTT&DL; TT&TT; LĐ-TB&XH; TP;  - Ban Dân tộc tỉnh;  - C, V;  - Lưu: VT, TH6, KT5, KT6. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Văn Lương** |